

Số: 91/2020/QĐST-DS

Đức Hòa, ngày 21 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 240/2020/TLST- DS ngày 29 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: A, Ấp X, xã B, huyện B, TP.H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1975 và anh Trịnh Hoài B, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Khu X, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn T với bà Nguyễn Thị Thanh C và anh Trịnh Hoài B.

Bà Nguyễn Thị Thanh C và anh Trịnh Hoài B có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), thời gian trả vào ngày 23/7/2020.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chưa thi hành số tiền thì còn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

Án phí: Ông Phạm Văn T chịu 1.125.000đ, bà Nguyễn Thị Thanh C và anh Trịnh Hoài B chịu 1.125.000đ án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành sung công quỹ nhà nước. Ông T được khấu trừ số tiền 2.250.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005317 ngày 28/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, hoàn trả ông T 1.125.000đ. Bà C và anh B có trách nhiệm nộp 1.125.000đ.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- CC.THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Quyên